

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2019/DS-ST

Ngày: 29-10-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đỗ Thị Thúy Nga
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2019/DSST ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4899/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5177/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam A.

Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hữu K, sinh năm 1994 hoặc bà Nguyễn Thị Minh H là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1068/2019/UQ-PGDK ngày 10/7/2019).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, 96 đường C, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lữ Khoa T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 12 đường M, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Phạm Hữu K có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Lê Ngọc T, sau là ông Phạm Hữu K là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Ngân hàng TMCP Việt Nam A và ông Lữ Khoa T đã ký Hợp đồng tín dụng theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 với nội dung: Ngân hàng cho ông T vay số tiền 40.000.000 đồng; lãi suất vay 30%/năm; thời hạn vay là 24 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ngày 22/5/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lữ Khoa T số tiền 39.389.000 đồng vào tài khoản số 81371725 của ông T (Tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, trừ đi số tiền phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của Công ty Bảo hiểm Hùng Vương là 560.729 đồng và phí rút tiền mặt 50.271 đồng) và được xác nhận quyền lợi bảo hiểm theo Văn bản xác nhận quyền lợi bảo hiểm ngày 22/5/2015 của Ngân hàng TMCP Việt Nam A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể: Từ ngày 22/7/2016 đến ngày 22/8/2016 ông T không trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Ngày 22/8/2016 ông T trả cho Ngân hàng số tiền 2.250.466 đồng (gồm trả gốc: 1.601.871 đồng và lãi: 648.595 đồng) nhưng kể từ ngày 23/8/2019 ông Lữ Khoa T không thực hiện theo bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào mặc dù Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần. Do đó Ngân hàng TMCP Việt Nam A khởi kiện yêu cầu ông Lữ Khoa T thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

Nợ gốc: 20.153.051 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 29/10/2019: 28.622.644 đồng; tổng cộng: 48.775.695 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/10/2019 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Yêu cầu ông Lữ Khoa T thanh toán số tiền trên ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - ông Lữ Khoa T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lữ Khoa T. Tuy nhiên, tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập ông T vắng mặt không lý do, không cung cấp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể*

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

*Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc: 20.153.051 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 29/10/2019: 28.622.644 đồng; tổng cộng: 48.775.695 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A: Buộc ông Lữ Khoa T phải trả một lần cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền 48.775.695 đồng; trong đó nợ gốc: 20.153.051 đồng và nợ lãi: 28.622.644 đồng.

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam A và bị đơn - ông Lữ Khoa T xác lập quan hệ tín dụng từ ngày 11 tháng 5 năm 2019. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Bị đơn là công dân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam A ủy quyền cho ông Lê Ngọc Tuấn hoặc bà Nguyễn Thị Minh H, sau là ông Phạm Hữu K hoặc bà Nguyễn Thị Minh H tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ông Kiệt đã có đơn đề ngày 28/10/2019 xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn là ông Lữ Khoa T mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo sự khách quan, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng bị đơn

đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày, ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### 1.3. Về chứng cứ:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 ký kết giữa ông Lữ Khoa T và Ngân hàng; Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ; chứng từ giải ngân; Văn bản xác nhận quyền lợi bảo hiểm ngày 22/5/2015; Lịch sử thanh toán của khách hàng Lữ Khoa T và bảng tính lãi của khách hàng Lữ Khoa T. Đây là các tài liệu bản sao từ các tài liệu đang lưu giữ trong hồ sơ tại trụ sở của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các tài liệu này. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do vậy, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

#### [2]. Về pháp luật nội dung:

##### 2.1. Về luật áp dụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam A và bị đơn - ông Lữ Khoa T xác lập quan hệ tín dụng từ ngày 11/5/2015 do vậy Tòa áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để điều chỉnh, giải quyết tranh chấp.

##### 2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

###### - Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Xét, căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T là trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được xác lập bằng văn bản thể hiện cụ thể thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ...phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122, Điều 124 Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T vay theo hình thức rút tiền mặt từ tài khoản cá nhân của ông T với tổng số tiền là 39.389.000 (Ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng theo Giấy lĩnh tiền ngày 23/5/2015 trên tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng (Sau khi trừ đi số tiền phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của Công ty Bảo hiểm Hùng Vương là 560.729 đồng và phí rút tiền mặt 50.271 đồng). Như vậy, tổng số tiền ông T vay của Ngân hàng là 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T đã trả được cho Ngân hàng tổng cộng 33.769.647 đồng, bao gồm: tiền gốc là 19.846.949 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.922.698 đồng. Tuy nhiên, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa

vụ trả số nợ còn lại theo thỏa thuận hợp đồng. Xét thấy, khi ký kết hợp đồng, các bên đã thỏa thuận rõ ràng với nhau về số tiền vay, thời hạn trả nợ, phương thức trả... nhưng ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả lại số tiền nợ gốc 20.153.051 đồng là đúng với quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự 2005 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu tiền lãi:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định: “*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”, thì các mức lãi suất trong hạn tại hợp đồng tín dụng do các bên tự thỏa thuận và mức lãi suất nợ quá hạn được không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đồng thời, căn cứ Điều 2 của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ đã được ông T ký tên xác nhận ngày 09/5/2015 và Điều II Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 thì các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 30%/năm và bên vay phải trả lãi quá hạn theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 45%/năm. Từ ngày 22/7/2016, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn. Sau đó, ngày 22/8/2016, ông T trả thêm cho Ngân hàng số tiền 2.250.466 đồng (gồm trả gốc: 1.601.871 đồng và lãi: 648.595 đồng) nên dư nợ gốc đã giảm xuống còn 20.153.051 đồng. Như vậy, tiền lãi quá hạn Ngân hàng yêu cầu ông T trả tạm tính đến ngày 29/10/2019 là 28.622.644 (Hai mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015.

- Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, do ông T vi phạm thời hạn trả nợ như thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán hết một lần số tiền còn nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu trên giá trị số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn;

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 122, Điều 124 và Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam A:

Buộc ông Lữ Khoa T phải thanh toán Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền còn nợ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015 tạm tính đến ngày 29/10/2019, cụ thể: Tiền gốc là 20.153.051 (Hai mươi triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, không trăm năm mươi một) đồng, tiền lãi quá hạn là 28.622.644 (Hai mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn) đồng; tổng cộng là 48.775.695 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi lăm) đồng.

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/5/2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lữ Khoa T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.438.785 (Hai triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.095.955 (Hai triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007721 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Việt Nam A và ông Lữ Khoa T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hồng Hạnh**